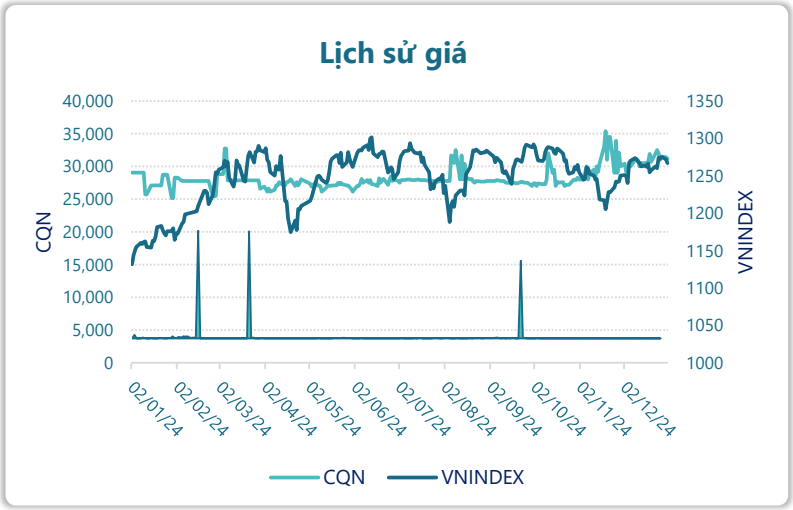
FireAnt

CTCP Cảng Quảng Ninh (UPCOM: CQN)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,169
SL cổ phiếu LH	75,049,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,910
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,342
P/E	19.6
EPS	1,588

DT thuần

Q4/24

196

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.0| 40.0%

YoY: ▲ 29.0| 17.4%

LN sau thuế

Q4/24

25.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.70| 17.4%

YoY: ▼0.20| -0.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

22.6%

+/- YoY: ▲ 4.8%

DT thuần

2024

662

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0| 2.2%

LN sau thuế

2024

119

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.9| 29.4%

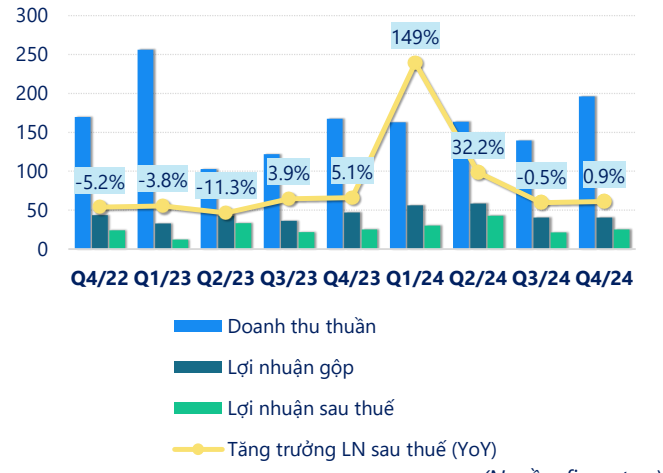
ROE

2024

12.4%

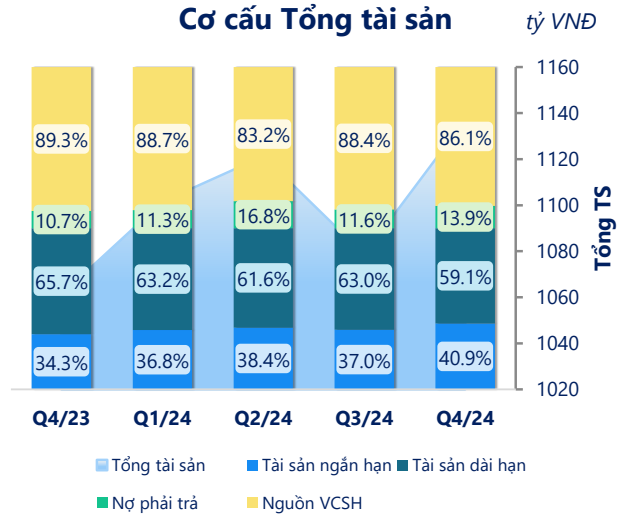
+/- YoY: ▲ 2.6%

Kết quả kinh doanh



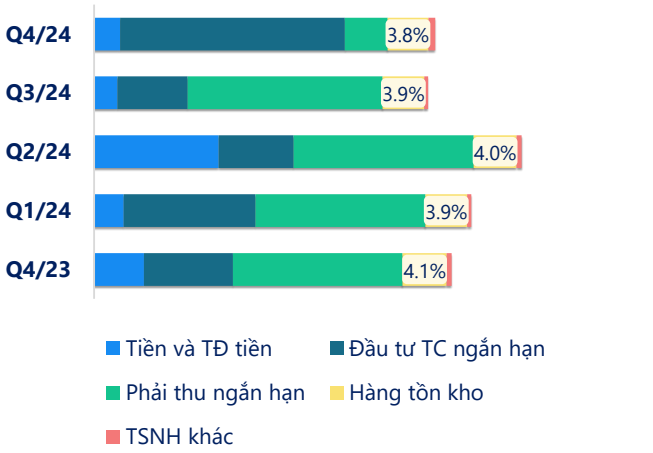
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



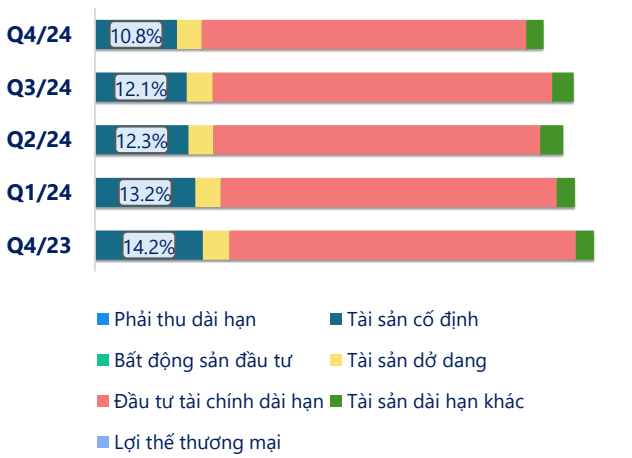
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



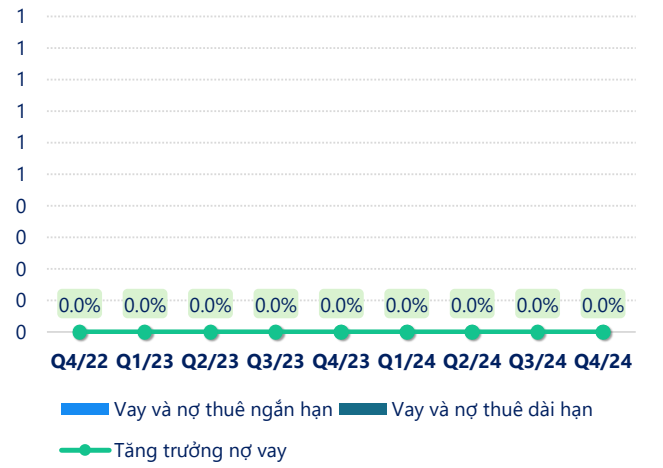
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



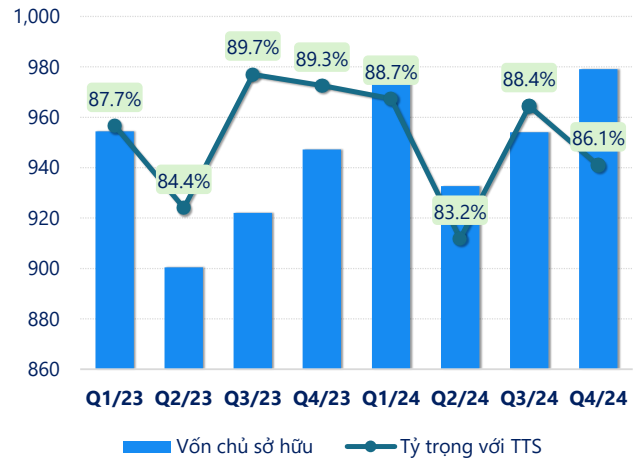
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



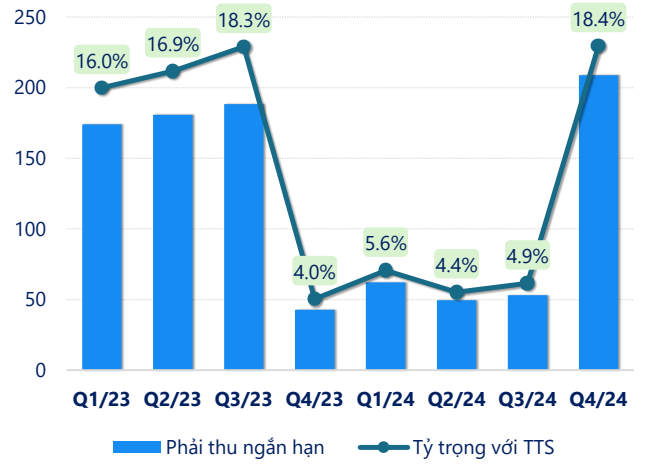
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



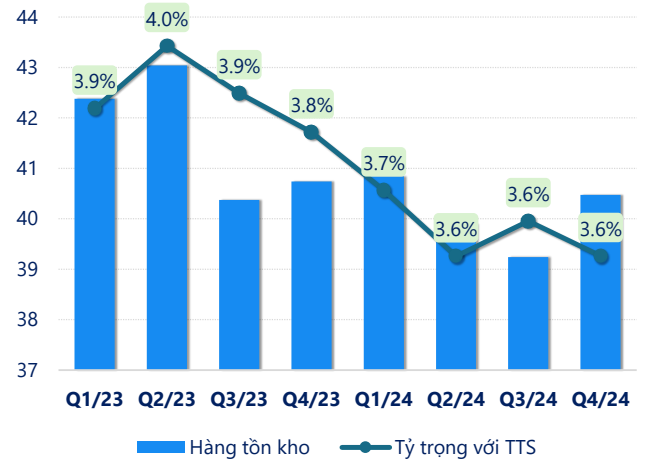
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



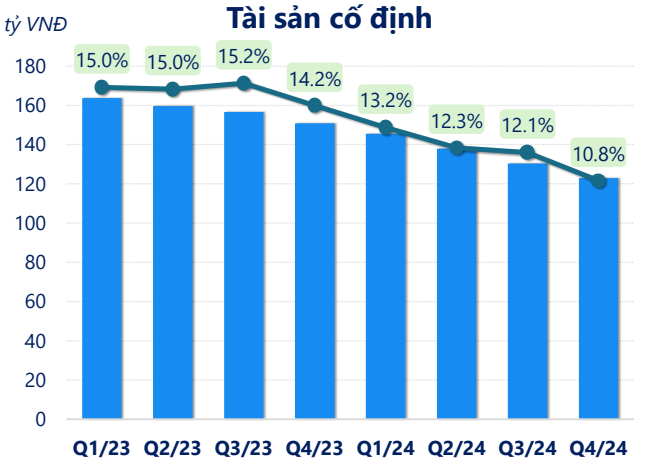
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



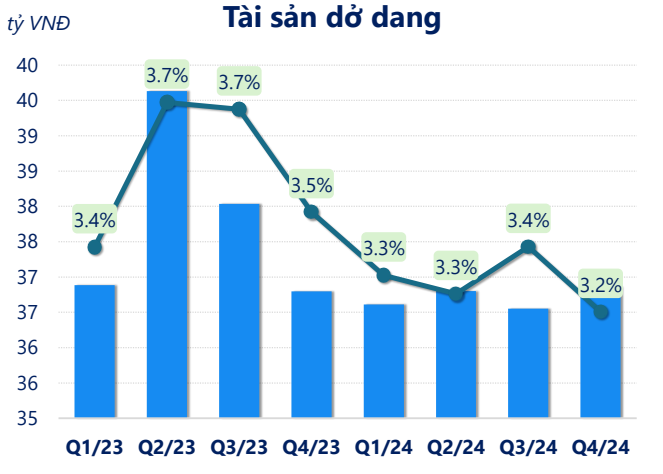
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



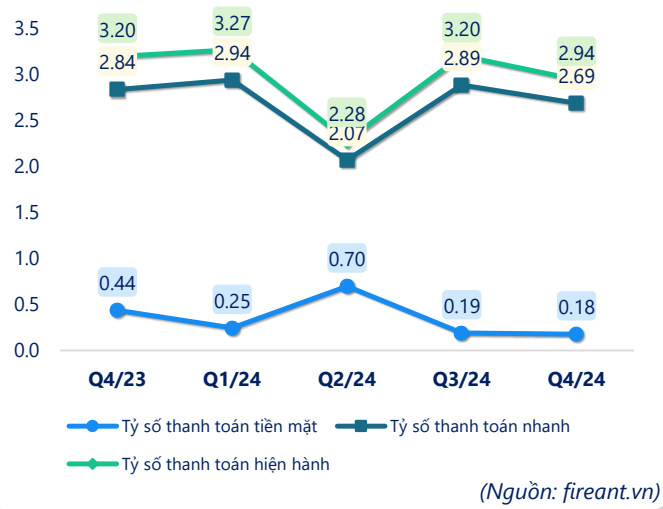
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



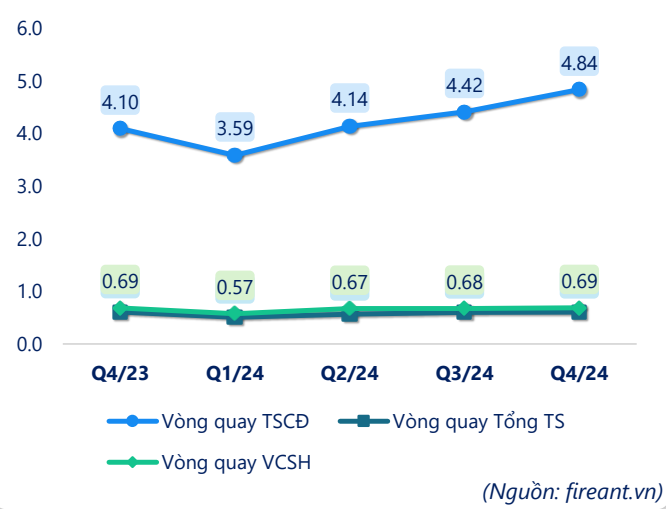
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,061**	**1,101**	**1,121**	**1,079**	**1,137**
Tài sản ngắn hạn	**364**	**405**	**430**	**399**	**466**
Tiền và tương đương tiền	49.8	30.7	131	23.6	28.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	224	269	206	281	185
Phải thu ngắn hạn	42.8	62.2	49.5	53.0	209
Hàng tồn kho	40.7	40.8	39.9	39.2	40.5
Tài sản ngắn hạn khác	6.90	2.73	3.28	2.05	3.19
Tài sản dài hạn	**697**	**696**	**691**	**680**	**672**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	151	146	138	130	123
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	36.8	36.6	36.8	36.6	36.9
Đầu tư tài chính dài hạn	484	487	482	482	486
Tài sản dài hạn khác	25.4	26.4	33.8	30.3	26.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**114**	**124**	**189**	**125**	**158**
Nợ ngắn hạn	**114**	**124**	**189**	**125**	**158**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.3	11.1	19.5	18.3	20.4
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**947**	**977**	**933**	**954**	**979**
Vốn chủ sở hữu	**947**	**977**	**933**	**954**	**979**
Vốn điều lệ	750	750	750	750	750
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)